

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		747,514,833,599	380,448,756,575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27,573,024,192	20,898,051,546
1. Tiền	111		27,573,024,192	20,898,051,546
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		396,364,476,092	251,891,941,783
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	296,958,959,459	174,856,385,438
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	91,443,933,205	71,922,726,492
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	7,961,583,428	5,112,829,853
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		289,496,528,784	92,350,154,541
1. Hàng tồn kho	141	V.5	289,496,528,784	92,350,154,541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34,080,804,531	15,308,608,705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	16,225,918,618	473,289,585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,528,351,635	12,033,508,620
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	9,326,534,278	2,801,810,500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		464,549,613,584	296,027,544,734
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		456,567,670,792	290,745,731,934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	200,542,924,975	60,118,697,233
<i>Nguyên giá</i>	222		264,555,717,932	109,463,631,707
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64,012,792,957)	(49,344,934,474)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	34,256,909,161	34,231,888,736
<i>Nguyên giá</i>	228		34,489,238,001	34,387,721,991
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(232,328,840)	(155,833,255)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	221,767,836,656	196,395,145,965
III. Bất động sản đầu tư	240		2,105,368,916	1,778,449,364
<i>Nguyên giá</i>	241	V.11	2,105,368,916	1,778,449,364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,866,573,876	3,493,363,436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,383,487,876	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	180,587,186
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,483,086,000	3,312,776,250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,212,064,447,183	676,476,301,309

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		765,343,351,497	267,508,270,217
I. Nợ ngắn hạn	310		575,192,162,952	206,969,364,252
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	362,569,302,450	97,955,283,885
2. Phải trả người bán	312	V.15	160,957,108,300	81,298,714,028
3. Người mua trả tiền trước	313		6,669,217,480	5,857,564,700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3,665,664,605	9,447,873,402
5. Phải trả người lao động	315	V.17	18,509,991,014	11,563,532,210
6. Chi phí phải trả	316		21,464,394,496	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1,356,484,607	846,396,027
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		190,151,188,545	60,538,905,965
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	189,494,142,696	60,182,466,321
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	657,045,849	356,439,644
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		423,137,092,688	394,093,352,617
I. Vốn chủ sở hữu	410		419,970,819,734	389,488,916,765
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		143,077,449	79,423,658
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	119,827,742,285	89,409,493,107
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3,166,272,954	4,604,435,852
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.22	3,166,272,954	4,604,435,852
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		23,584,002,998	14,874,678,475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,212,064,447,183	676,476,301,309
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>Số dư đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		490,244.48	474,967.74
EUR		13,702.75	189,990.25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2008

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ III/ NĂM 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	669,190,529,656	1,825,007,986,013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	91,190,000	91,190,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	669,099,339,656	1,824,916,796,013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	582,333,914,852	1,590,989,656,027
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86,765,424,804	233,927,139,986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,633,611,576	34,643,657,801
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28,485,813,748	75,454,342,788
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,844,544,949	27,812,745,887
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31,835,736,757	71,256,121,946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12,099,885,104	33,573,227,168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,977,600,771	88,287,105,885
11. Thu nhập khác	31		254,551,787	1,365,592,447
12. Chi phí khác	32		37,665,957	87,042,081
13. Lợi nhuận khác	40		216,885,830	1,278,550,366
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20,194,486,601	89,565,656,251
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	3,574,356,375	13,235,109,854
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,620,130,226	76,330,546,397
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			460,048,416	1,174,087,610
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			16,160,081,810	75,156,458,787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		538	2,505

Quý 3 năm 2007 công ty chưa hợp nhất báo cáo tài chính

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2008

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ III NĂM 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		89,565,656,250
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	14,743,757,368
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	-
- Chi phí lãi vay	06		27,812,745,887
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		132,122,159,505
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90,796,581,635)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(197,957,533,610)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96,287,969,490
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(18,139,116,909)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27,812,745,887)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(17,799,715,472)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		472,572,458
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,841,705,674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(125,464,697,734)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(228,229,643,132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(228,229,643,132)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.21	7,500,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 19	1,489,006,653,881
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 19	(1,091,280,958,941)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(44,936,950,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		360,288,744,940
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,594,404,074
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	20,898,051,546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		80,568,572
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27,573,024,192

Quý 3 năm 2007 công ty chưa hợp nhất báo cáo tài chính

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2008

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2008

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn quý III năm 2008 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 2
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3371, Gostetter-rd, San Jose, California 95132, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính quý III/2008

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế quý III/2008 giảm 46,24 % so với quý II/2008 là do tình hình lạm phát trong kỳ tăng cao kéo theo các yếu tố chi phí đều tăng. Đồng thời giá nguyên liệu tháng 9 tăng đột biến trong khi các hợp đồng xuất khẩu đã ký một số lớn không điều chỉnh giá được.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4
Tài sản cố định khác	4

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo..
- Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 28% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty trong Tập đoàn có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 30/09/2008.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2008 : 16.580 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.465.756.153	5.563.724.326
Tiền gửi ngân hàng	23.107.268.039	15.334.327.220
Cộng	<u>27.573.024.192</u>	<u>20.898.051.546</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	51.097.161.594	23.170.857.417
Phải thu khách hàng nước ngoài	245.861.797.865	151.685.528.021
Cộng	<u>296.958.959.459</u>	<u>174.856.385.438</u>

3. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp nguyên liệu cá	22.413.160.514	30.967.670.830
Nhà cung cấp máy móc, thiết bị, XDCB	54.783.616.556	40.041.848.669
Nhà cung cấp khác	14.247.156.135	913.206.993
Cộng	<u>91.443.933.205</u>	<u>71.922.726.492</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng tiền mua đất	4.934.224.000	4.833.765.000
Các khoản chi hộ	3.027.359.428	279.064.853
Cộng	<u>7.961.583.428</u>	<u>5.112.829.853</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	74.452.365.096	7.810.986.612

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.299.537.638	770.977.660
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.819.080.891	6.933.823.557
Thành phẩm	171.717.347.423	68.508.934.820
Hàng hóa	1.208.197.736	265.454.839
Hàng gửi đi bán	-	8.059.977.053
Cộng	<u>289.496.528.784</u>	<u>92.350.154.541</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	473.289.585
Tăng trong kỳ	43.319.058.845
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(27.566.429.812)
Số cuối kỳ	<u>16.225.918.618</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho cán bộ nhân viên.	9.326.534.278
-------------------------------	----------------------

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	26.942.678.042	78.453.180.476	2.843.672.812	1.224.100.377	109.463.631.707
Mua sắm mới	60.319.135.678	71.829.647.075	3.908.720.216	567.231.868	136.624.734.837
Đầu tư XD CB hoàn thành	9.520.000.000	8.947.351.388	-	-	18.467.351.388
Số cuối kỳ	<u>96.781.813.720</u>	<u>159.230.178.939</u>	<u>6.752.393.028</u>	<u>1.791.332.245</u>	<u>264.555.717.932</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	10.528.572.538	36.688.506.239	1.186.904.127	940.951.571	49.344.934.475
Khấu hao trong kỳ	3.939.565.776	10.102.549.724	535.300.602	90.442.381	14.667.858.483
Số cuối kỳ	<u>14.468.138.314</u>	<u>46.791.055.962</u>	<u>1.722.204.729</u>	<u>1.031.393.952</u>	<u>64.012.792.957</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.414.105.504	41.764.674.237	1.656.768.685	283.148.806	60.118.697.232
Số cuối kỳ	<u>82.313.675.406</u>	<u>112.439.122.977</u>	<u>5.030.188.299</u>	<u>759.938.293</u>	<u>200.542.924.975</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 82.258.928.559 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	33.918.948.201	468.773.790	34.387.721.991
Mua trong năm	8.539.780.051	62.816.010	8.602.596.061
Giảm trong năm	(8.501.080.051)	-	(8.501.080.051)
Số cuối năm	<u>33.957.648.201</u>	<u>531.589.800</u>	<u>34.489.238.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	155.833.255	155.833.255
Khấu hao trong năm	-	76.495.585	76.495.585
Số cuối năm	-	232.328.840	232.328.840
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	33.918.948.201	312.940.535	34.231.888.736
Số cuối năm	33.957.648.201	299.260.960	34.256.909.161

Quyền sử dụng đất nguyên giá 14.039.067.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	1.936.979.455	559.209.095		2.496.188.550
Công trình văn phòng chi nhánh	833.005.131		(746.854.131)	86.151.000
Công trình nhà xưởng số 2	5.636.363.637			5.636.363.637
Công trình nhà xưởng số 3	129.357.351.669	70.380.333.828	(414.348.000)	199.323.337.497
Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản và Bột cá	56.569.998.664	76.792.726.060	(124.702.088.857)	8.660.635.867
Chi phí đào ao nuôi cá ở Cồn Ngâm	2.061.447.409	3.503.712.696		5.565.160.105
Cộng	196.395.145.965	51.235.981.679	(125.863.290.988)	221.767.836.656

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đào ao nuôi cá ở Cồn Tân Thạnh cho bên thứ ba thuê.

12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ dài hạn.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	279.769.767.450	97.955.283.885
- Vay Natexis Banques Populaires ^(a)	36.500.000.000	5.969.541.135
- Vay HSBC ^(b)	57.532.600.000	
- Vay CDB ^(c)	16.865.000.000	
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(d)	168.872.167.450	91.985.742.750

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay cá nhân	82.799.535.000	
Cộng	<u>362.569.302.450</u>	<u>97.955.283.885</u>

- (a) Khoản vay hạn mức Natexis Banques Populaires.
 (b) Khoản vay hạn mức ngân hàng HSBC TPHCM.
 (c) Khoản vay hạn mức Ngân Hàng Phát Triển.
 (d) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ thư tín dụng và khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	97.955.283.885	1.238.395.592.199	(1.064.168.585.049)	7.587.476.415	279.769.767.450
Vay cá nhân		159.461.535.000	(76.662.000.000)		82.799.535.000
Cộng	<u>97.955.283.885</u>	<u>1.397.857.127.199</u>	<u>(1.140.830.585.049)</u>	<u>7.587.476.415</u>	<u>362.569.302.450</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp hàng hóa	2.803.869.002	1.446.615.328
Nhà cung cấp nguyên liệu	102.032.187.978	46.524.569.000
Nhà cung cấp vật tư, bao bì	6.011.841.583	3.168.502.423
Nhà cung cấp máy móc, thiết bị, XDCB	17.176.643.636	23.038.742.761
Nhà cung cấp vận chuyển	6.309.484.494	2.527.552.254
Nhà cung cấp khác	26.623.081.607	4.592.732.262
Cộng	<u>160.957.108.300</u>	<u>81.298.714.028</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	639.514.712	2.116.501.590	(643.602.212)	2.112.414.090
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	232.115.701	(232.115.701)	-
Thuế nhập khẩu	-	104.105.270	(472.529.435)	(368.424.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.711.931.159	11.125.951.474	(17.799.715.472)	2.038.167.161
Thuế thu nhập cá nhân	92.380.796	189.424.800	(311.172.077)	(29.366.481)
Các loại thuế khác	4.046.735	6.000.000	(97.172.735)	(87.126.000)
Cộng	<u>9.447.873.402</u>	<u>13.774.098.835</u>	<u>(19.556.307.632)</u>	<u>3.665.664.605</u>

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp như sau:

	<u>Thu nhập chịu thuế</u>	<u>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	79.471.081.961	11.125.951.474

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1	3.887.728.100	-
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	6.206.846.190	2.109.158.380
Cộng	89.565.656.251	13.235.109.854

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 06/2008 và số dư lương tháng 13 phải trả cho công nhân viên.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	753.530.147	527.154.677
Bảo hiểm xã hội	295.656.416	260.644.652
Bảo hiểm y tế	126.195.368	39.096.698
Các khoản phải trả khác	181.102.676	19.500.000
Cộng	1.356.484.607	846.396.027

18. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng Lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD, để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3) và nhà máy thức ăn viên (Vĩnh Hoàn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-
Trên 5 năm	189.494.142.696
Tổng nợ	189.494.142.696

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu kỳ	60.182.466.321
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	128.393.362.162
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.450.373.892)
Chênh lệch tỷ giá	2.368.688.105
Số cuối kỳ	189.494.142.696

19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	356.439.644
Số trích lập trong kỳ	474.563.205
Số chi trong kỳ	(173.957.000)
Số cuối kỳ	657.045.849

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	300.000.000.000	89.409.493.107	79.423.658	389.488.916.765
Góp vốn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh		-	63.653.791	63.653.791
Lợi nhuận tăng trong kỳ		88.590.309.032	-	88.590.309.032
Chi trả cổ tức trong kỳ		(44.936.950.000)	-	(44.936.950.000)
Trích thuế TNDN		(13.235.109.854)	-	(13.235.109.854)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	119.827.742.285	143.077.449	419.970.819.734

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.882.869.900	188.011.496	(452.580.750)	3.618.300.646
Quỹ phúc lợi	721.565.952	251.000.000	(1.424.593.644)	(452.027.692)
Cộng	4.604.435.852	439.011.496	(1.877.174.394)	3.166.272.954

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Luỹ kế 09 tháng đầu năm 2008
Tổng Doanh thu	1.825.007.986.013
- <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, NVL, phụ phẩm</i>	1.824.928.740.408
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu</i>	79.245.605
Các khoản giảm trừ doanh thu:	91.190.000
Doanh thu thuần	1.824.916.796.013

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ phẩm	1.590.989.656.027
---	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cộng	1.590.989.656.027
3. Doanh thu hoạt động tài chính	
Lãi tiền gửi + Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu+ bán thức ăn	7.959.907.902
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.683.749.899
Cộng	34.643.657.801
4. Chi phí tài chính	
Chi phí lãi vay	27.812.745.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.641.596.901
Cộng	75.454.342.788
5. Chi phí bán hàng	
Chi phí nhân viên	1.743.773.781
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	44.935.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.606.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.212.786.951
Chi phí bằng tiền khác	10.229.018.422
Cộng	71.256.121.946
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên quản lý	5.972.899.942
Chi phí đồ dùng văn phòng	668.253.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	482.371.317
Chi phí bằng tiền khác	26.449.702.506
Cộng	33.573.227.168
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	76.330.546.397
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.174.087.610)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.156.458.787
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.505

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	61,67
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	38,33

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2008
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,14
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,86
<i>Khả năng thanh toán</i>		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,58
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,30
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,05
<i>Tỷ suất sinh lời</i>		
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,91
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,18
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,39
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,30
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	18,18

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 10 năm 2008

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc